



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học - Đợt 2/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 29 tháng 06 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp **85 (Tám mươi lăm)** bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh, **05 (Năm)** bằng Kỹ sư Quản lý hoạt động bay, **20 (Hai mươi)** bằng Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, **11** bằng Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không (Mười một) cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Đại học - Đợt 2/2022 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận: 

-Như điều 2;

-Lưu VT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - ĐỢT 02/2022**

(Đính kèm quyết định số: 462 /QĐ-HVHKVN ngày 29 /06/2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1753020028	Phan Thị Thúy	An	03/12/1999	17ĐHĐT01	2.75	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
2	1753020044	Lê Nguyên Thiên	Lộc	11/03/1999	17ĐHĐT01	3.05	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
3	1753020012	Nguyễn Tiến	Quốc	01/05/1999	17ĐHĐT01	2.24	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
4	1753020008	Nguyễn Thị Tường	Vy	08/05/1998	17ĐHĐT01	3.16	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
5	1753020063	Nguyễn Huỳnh	Thịnh	28/09/1999	17ĐHĐT02	2.51	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
6	1553020020	Mai Trần Minh	Thông	02/07/1997	17ĐHĐT02	2.81	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
7	1653020006	Nguyễn Thành	Lợi	21/03/1998	ĐV1-K10	2.56	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
8	1653020044	Mai Lê Đức	Trí	25/09/1998	ĐV1-K10	2.13	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
9	1353020031	Lê Văn	Minh	01/09/1995	ĐV1-K7	2.07	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
10	1453020006	Nguyễn Văn	Tây	01/08/1996	ĐV1-K8	2.74	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
11	1453020023	Đặng Thị Bảo	Trần	07/09/1996	ĐV1-K8	2.07	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
12	1453020111	Đặng Nhật	Vinh	30/10/1996	ĐV1-K8	2.04	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
13	1553020028	Nguyễn Hữu Hồng	Sơn	16/09/1997	ĐV1-K9	2.02	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
14	1653020080	Thành Quang	Long	08/10/1998	ĐV2-K10	2.38	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
15	1653020086	Nguyễn Quốc	Phương	06/02/1998	ĐV2-K10	2.56	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
16	1653020083	Lâm Văn	Tiến	10/09/1998	ĐV2-K10	2.26	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
17	1453020074	Lê Long	Nhơn	17/08/1996	ĐV2-K8	2.05	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
18	1553020063	Mẫn Thị Thu	Hằng	06/06/1997	ĐV2-K9	2.73	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
19	1553020079	Trần Thị	Huệ	23/05/1996	ĐV2-K9	2.82	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
20	1553020087	Hồ Thị	Trình	01/07/1996	ĐV2-K9	2.3	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
21	1751200032	Phạm Quốc	Bảo	24/07/1999	17ĐHKT01	2.99	Khá	Kỹ thuật Hàng không
22	1751200030	Nguyễn Thành	Danh	03/10/1999	17ĐHKT01	2.8	Khá	Kỹ thuật Hàng không
23	1751200025	Lê Tấn	Dũng	15/09/1999	17ĐHKT01	3.18	Khá	Kỹ thuật Hàng không

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
24	1751200056	Hồ Văn Trường	Giang	15/08/1999	17ĐHKTT01	2.81	Khá	Kỹ thuật Hàng không
25	1751200029	Lê Ngọc	Hiệp	18/06/1999	17ĐHKTT01	2.8	Khá	Kỹ thuật Hàng không
26	1751200049	Nguyễn Đức	Lương	16/05/1999	17ĐHKTT01	3.51	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
27	1751200016	Văn Hữu	Phước	11/05/1999	17ĐHKTT01	3.76	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
28	1751200031	Nguyễn Việt	Quốc	30/09/1999	17ĐHKTT01	3.13	Khá	Kỹ thuật Hàng không
29	1751200067	Sey	Saychhay a	17/05/1997	17ĐHKTT01	2.71	Khá	Kỹ thuật Hàng không
30	1751200034	Hồ Tuấn Hoàng	Sơn	22/05/1999	17ĐHKTT01	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
31	1751200014	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	16/08/1999	17ĐHKTT01	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
32	1756060019	Nguyễn Trần Việt	Hoàng	15/02/1999	17ĐHKL01	3.41	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
33	1756060033	Nguyễn Huyền	Trang	01/09/1999	17ĐHKL01	3.39	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
34	1756060021	Lê Giang Hải	Triều	04/09/1999	17ĐHKL01	3.44	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
35	1756060038	Nguyễn Tuấn	Tú	22/05/1999	17ĐHKL01	3.21	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
36	1651200001	Thới Thị Ánh	Hồng	10/08/1998	QLB-K10	3.07	Khá	Quản lý hoạt động bay
37	1751010019	Trần Võ Thành	Đạt	01/06/1999	17ĐHQTC	2.27	Trung bình	Quản trị kinh doanh
38	1751010015	Thái Nguyễn Thị Thùy	Dung	21/07/1999	17ĐHQTC	3.51	Giỏi	Quản trị kinh doanh
39	1751010289	Đinh Thu	Hằng	16/07/1999	17ĐHQTC	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh
40	1751010296	Huỳnh Thị Cẩm	Huỳnh	25/09/1999	17ĐHQTC	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
41	1751010306	Trương Thị Mai	Linh	12/08/1999	17ĐHQTC	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh
42	1751010132	Nguyễn Phong	Phú	05/08/1999	17ĐHQTC	2.5	Khá	Quản trị kinh doanh
43	1751010198	Nguyễn Thị Phương	Uyên	03/11/1999	17ĐHQTC	3.46	Giỏi	Quản trị kinh doanh
44	1751010403	Huỳnh Ái	Vì	07/09/1999	17ĐHQTC	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
45	1751010039	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/08/1999	17ĐHQTDL	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
46	1751010235	Đinh Văn	Chương	26/02/1999	17ĐHQTDL	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
47	1751010115	Đỗ Trọng	Đức	10/05/1999	17ĐHQTDL	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
48	1751010408	Huỳnh Thị Hoàn	Mỹ	25/05/1999	17ĐHQTDL	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
49	1751010257	Trương Thị Huệ	Nghiêm	21/07/1999	17ĐHQTDL	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh
50	1751010148	Trần Thủy	Tiên	02/11/1999	17ĐHQTDL	2.5	Khá	Quản trị kinh doanh
51	1751010383	Lý Ngọc	Trâm	08/09/1999	17ĐHQTDL	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
52	1751010263	Nguyễn Dương Triệu	An	08/09/1999	17ĐHQTTTH	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
		Kiến						
53	1751010246	Lưu Thị Xuân	Quỳnh	19/01/1999	17ĐHQTTTH	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
54	1751010116	Trần Thị Lệ	Hoa	18/02/1999	17ĐHQTVT1	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
55	1751010117	Nguyễn Thị	Loan	06/12/1999	17ĐHQTVT1	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh
56	1751010121	Nguyễn Ngọc Yên	Phi	03/06/1999	17ĐHQTVT1	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
57	1751010008	Đặng Ngọc	Phú	25/09/1999	17ĐHQTVT1	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
58	1751010125	Nguyễn Công	Tài	22/01/1999	17ĐHQTVT1	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
59	1751010195	Đặng Thiên	Triệu	13/06/1999	17ĐHQTVT2	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
60	1751010269	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	20/07/1999	17ĐHQTVT3	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh
61	1751010214	Dương Thành	Nhân	08/07/1999	17ĐHQTVT3	2.13	Trung bình	Quản trị kinh doanh
62	1751010226	Dương Hoàng	Phương	28/04/1999	17ĐHQTVT3	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
63	1751010266	Nguyễn Ngọc	Tuyết	27/01/1999	17ĐHQTVT3	2.43	Trung bình	Quản trị kinh doanh
64	1751010373	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/03/1999	17ĐHQTVT4	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh
65	1751010078	Nguyễn Thị	Chung	02/04/1999	17ĐHQTVT5	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
66	1651010093	Trần Ngọc	Đinh	16/11/1998	17ĐHQTVT5	2.21	Trung bình	Quản trị kinh doanh
67	1751010437	Đặng Thị Khánh	Hiền	01/08/1999	17ĐHQTVT5	2.4	Trung bình	Quản trị kinh doanh
68	1651010119	Võ Thị Quỳnh	Hương	16/09/1998	17ĐHQTVT5	2.86	Khá	Quản trị kinh doanh
69	1751010094	Nguyễn Nhã Trúc	Vy	29/05/1999	17ĐHQTVT5	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
70	1751010084	Trương Hoàng	Yến	15/04/1999	17ĐHQTVT5	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
71	1731010001	Nguyễn Tuấn	Anh	01/08/1993	17ĐVQT01 - Quản trị kinh doanh VLVH	3.17	Khá	Quản trị kinh doanh
72	1651010163	Nguyễn Quỳnh	Hương	15/10/1997	QTDL1-K10	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
73	1651010392	Trần Thị Minh	Nhi	13/03/1998	QTDL1-K10	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
74	1651010183	Vũ Ngọc Hân	Nhi	02/04/1998	QTDL1-K10	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
75	1651010159	Nguyễn Đình Bảo	Trâm	18/10/1998	QTDL1-K10	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
76	1551010423	Nguyễn Đào Thiên	Lộc	22/01/1996	QTDL2-K9	2.47	Trung bình	Quản trị kinh doanh
77	1451010244	Mai Thị Lan	Anh	20/10/1996	QTDL-K8	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
78	1351010182	Nguyễn Hồng Hạnh	Linh	02/05/1995	QTKDCHK1-K7	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh
79	1551010154	Bùi Thị Diệu	Ái	12/10/1997	QTKDCHK1-K9	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
80	1451010167	Nguyễn Thái	Hà	05/06/1996	QTKDCHK2-K8	2.2	Trung bình	Quản trị kinh doanh
81	1551010300	Huỳnh Hiền	Ny	21/03/1997	QTKDCHK2-K9	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
82	1551010277	Hoàng Thị Minh	Trang	13/12/1997	QTKDCHK2-K9	2.17	Trung bình	Quản trị kinh doanh
83	1451010324	Nguyễn Thái	Bình	01/09/1996	QTKDCHK3-K8	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh
84	1451010346	Nguyễn Phương Nhật	Hào	28/01/1996	QTKDCHK3-K8	2.27	Trung bình	Quản trị kinh doanh
85	1451010477	Đặng Lý	Nhi	17/01/1996	QTKDCHK3-K9	2.37	Trung bình	Quản trị kinh doanh
86	1651010222	Lý Quốc	Duy	15/12/1998	QTKDCHK-K10	2.66	Khá	Quản trị kinh doanh
87	1651010452	Cao Thị Ly	Ly	07/09/1997	QTKDCHK-K10	2.5	Khá	Quản trị kinh doanh
88	1651010235	Nguyễn Thiện	An	22/11/1998	QTKDTH1-K10	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
89	1651010111	Nguyễn Ngọc Anh	Nguyên	02/03/1997	QTKDTH1-K10	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh
90	1651010185	Trương Nguyễn Ngọc	Phú	12/04/1998	QTKDTH1-K10	2.38	Trung bình	Quản trị kinh doanh
91	1651010310	Nguyễn Thị	Phúc	21/08/1998	QTKDTH2-K10	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh
92	1351010303	Lê Minh	Quý	13/05/1994	QTKDTH2-K7	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh
93	1351010435	Vũ Thị Kim	Tuyển	30/03/1994	QTKDTH2-K7	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
94	1451010012	Nguyễn Thị	Như	06/05/1996	QTKDTH-K8	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
95	1651010558	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	23/10/1998	QTKDVTHK1-K10	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
96	1651010161	Nguyễn Thị Yên	Nhi	04/04/1998	QTKDVTHK1-K10	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh
97	1651010139	Nguyễn Thị	Thu	16/02/1998	QTKDVTHK1-K10	2.11	Trung bình	Quản trị kinh doanh
98	1451010061	Nguyễn Hồng	Ân	06/12/1995	QTKDVTHK1-K8	2.28	Trung bình	Quản trị kinh doanh
99	1451010091	Nguyễn Ngọc Xuân	Nhi	02/03/1996	QTKDVTHK1-K8	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh
100	1551010146	Cái Hoàng Khánh	Linh	26/10/1997	QTKDVTHK1-K9	2.18	Trung bình	Quản trị kinh doanh
101	1551010183	Hà Thị Nhật	Lệ	20/11/1997	QTKDVTHK2-K10	2.1	Trung bình	Quản trị kinh doanh
102	1551010243	Đỗ Trần Kim	Ngân	28/02/1997	QTKDVTHK2-K10	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
103	1651010212	Nguyễn Thùy Huỳnh	Như	03/06/1998	QTKDVTHK2-K10	2.04	Trung bình	Quản trị kinh doanh
104	1351010087	Nguyễn Thị Ngọc	Gấm	28/10/1994	QTKDVTHK2-K7	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh
105	1451010203	Lương Vũ Nhật	Huy	05/04/1996	QTKDVTHK2-K8	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
106	1551010322	Đinh Ngọc	Cường	02/03/1996	QTKDVTHK2-K9	2	Trung bình	Quản trị kinh doanh
107	1551010415	Nguyễn Thị Lệ	Hoa	15/10/1996	QTKDVTHK2-K9	2.14	Trung bình	Quản trị kinh doanh
108	1551010255	Diệp Thị Kiều	Nhi	24/10/1997	QTKDVTHK2-K9	2.33	Trung bình	Quản trị kinh doanh
109	1651010445	Nguyễn Bảo Kim	Đình	12/12/1997	QTKDVTHK3-K10	2.2	Trung bình	Quản trị kinh doanh
110	1451010333	Nguyễn Nguyệt Nghi	Nghi	16/06/1996	QTKDVTHK3-K8	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
111	1451010386	Nguyễn Thành	Đạt	01/04/1996	QTKDVTHK3-K9	2.2	Trung bình	Quản trị kinh doanh
112	1651010527	Lê Thanh	Thảo	13/04/1998	QTKDVTHK4-K10	3.17	Khá	Quản trị kinh doanh
113	1351010242	Huỳnh Thị Thu	Nguyệt	01/11/1995	QTKDVTHK4-K7	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh
114	1351010424	Huỳnh	Trọng	14/02/1995	QTKDVTHK4-K7	2.28	Trung bình	Quản trị kinh doanh
115	1351010456	Nguyễn Thị Mỹ	Vy	03/01/1995	QTKDVTHK4-K7	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh
116	1451010473	Trần Thị	Hiếu	10/01/1995	QTKDVTHK4-K8	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
117	1551010051	Bồ Thị Thu	Trang	28/08/1997	QTKDVTHK4-K9	2.16	Trung bình	Quản trị kinh doanh
118	1651010064	Lê Linh	Đan	04/01/1998	QTKDVTHK5-K10	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh





Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
119	1651010049	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	19/02/1998	QTKDVTHK5-K10	2.12	Trung bình	Quản trị kinh doanh
120	1651010011	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Ngọc	04/11/1998	QTKDVTHK5-K10	2.13	Trung bình	Quản trị kinh doanh
121	1651010021	Huỳnh Quỳnh	Oanh	19/11/1998	QTKDVTHK5-K10	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có **121** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.